

Bản án số: 109/2024/DS-ST
Ngày: 08/8/2024
V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đen
2. Ông Tăng Hoàng Đa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hoài Hận – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379A/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông **Huỳnh Minh Đ**, sinh năm 1983

Địa chỉ: 450/31/14-34/2 Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền:

1. Bà **Phan Hồng N**, sinh năm 2000

Địa chỉ: 314/8 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Nguyễn Huỳnh A**, sinh năm 2002

Địa chỉ: khóm 3, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng.

3. Ông **Nguyễn Lê Anh K**, sinh năm 2002

Địa chỉ: 81 ấp Bình Xuân, xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm, Bến Tre.

Bị đơn:* 1. Bà **Lê Thị Út M, sinh năm 1991 (vắng mặt)

2. Ông **Trần Văn M1**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Trường Bình, xã Trường Thành, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Huỳnh Minh Đ (có người đại diện ủy quyền) trình bày:

Ngày 21/3/2022, ông Huỳnh Minh Đ cho vợ chồng ông Trần Văn M1, bà Lê Thị Út M vay số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng), thời hạn vay 01 tháng, thỏa thuận trả lãi đầu tháng, lãi suất 20%/năm, hai bên có lập Hợp đồng vay tài sản ngày 21/3/2022. Cùng ngày 21/3/2022, ông Đ đã chuyển khoản 04 lần cho ông Trần Văn M1 thông qua số tài khoản 73010001063399 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, cụ thể như sau: lần 1: chuyển khoản 200.000.000đồng; lần 2: chuyển khoản 300.000.000đồng; lần 3: chuyển khoản 300.000.000đồng; lần 4: chuyển khoản 170.000.000đồng và đưa tiền mặt 30.000.000đồng cho phía ông M1, bà M. Sau đó, hai bên đã lập Hợp đồng vay tài sản

Nay ông Đ yêu cầu ông M1 và bà M trả số tiền 1.383.300.000đồng gồm 1.000.000.000đồng tiền vốn gốc và tiền lãi 383.300.000đồng (tính từ 21/3/2022 đến 14/3/2024 là 23 tháng, lãi suất 20%/năm).

Bị đơn ông Trần Văn M1 và bà Lê Thị Út M vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 232.400.000đồng (tính từ ngày 21/3/2022 đến ngày xét xử là 28 tháng, lãi suất 10%/năm). Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, thư ký tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; về Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng chấp hành tốt theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cần khắc phục thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; 35; 39; 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo Biên bản xác minh ngày 24/6/2024, bị đơn ông Trần Văn M1 và bà Lê Thị Út M hiện cư trú tại nhà của bà Lê Thị Út M (ấp Trường Bình, xã Trường Thành, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ), Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn theo địa chỉ này nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu ông M1 và bà M trả số tiền 1.232.400.000đồng gồm 1.000.000.000đồng tiền vốn gốc và tiền lãi 232.400.000đồng (tính từ ngày 21/3/2022 đến ngày xét xử là 28 tháng, lãi suất 10%/năm).

[3.1] Về tiền vốn gốc: Theo Hợp đồng vay tài sản ngày 21/3/2022; Công văn 1362/BIDV.VL-QLRR ngày 12/6/2024 và Sao kê tài khoản 73010001063399 đứng tên ông Trần Văn M1 (CCCD số 083085001293 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2021) do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long cung cấp, có căn cứ xác định giữa ông Đ và bà M, ông M1 đã xác lập giao dịch vay tài sản. Số tiền ông M1, bà M nhận trong ngày 21/3/2022 thông qua giao dịch chuyển khoản từ người chuyển tiền là ông Huỳnh Minh Đ là 970.000.000đồng, ngoài ra, ông Đ đã giao tiền mặt cho ông M1, bà M 30.000.000đồng, cộng các khoản tiền trên thì hoàn toàn trùng khớp

với số tiền và thời gian ghi trên Hợp đồng vay tài sản, từ đó có cơ sở khẳng định ông M1, bà M đã nhận của ông Huỳnh Minh Đ số tiền 1.000.000.000đồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, phía bị đơn ông M1, bà M cố tình vắng mặt dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, không yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó, xem như bị đơn từ bỏ quyền chứng minh. Cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay 1.000.000.000đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[3.2] Về tiền lãi: Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu trả lãi theo quy định. Tuy nhiên, tại Điều 3 Hợp đồng vay tài sản ngày 21/3/2022 có ghi *“Lãi suất vay: do hai bên tự thỏa thuận đúng theo quy định của pháp luật”*, ngoài nội dung này thì phía nguyên đơn không chứng minh được giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất 20%/năm, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trường hợp này được xác định *“các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất”* thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tức không quá 10%/năm. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 232.400.000đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh Đ.

2. Buộc ông Trần Văn M1 và bà Lê Thị Út M trả cho ông Huỳnh Minh Đ số tiền 1.232.400.000đồng (một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) gồm 1.000.000.000đồng tiền vốn gốc và tiền lãi 232.400.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: ông Trần Văn M1 và bà Lê Thị Út M phải chịu 48.972.000đồng. Ông Huỳnh Minh Đ được nhận lại 26.749.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007633 ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc